

KẾT LUẬN THANH TRA

Thanh tra hành chính quản lý thu, chi ngân sách xã tại Ủy ban nhân dân xã Phước Kháng

Thực hiện Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc về thanh tra hành chính quản lý thu, chi tài chính ngân sách xã năm 2018, năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Kháng. Quá trình thanh tra, Đoàn Thanh tra đã làm việc với đơn vị và tiến hành kiểm tra, xác minh trực tiếp các nội dung thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Trưởng Đoàn thanh tra,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kết luận thanh tra như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Xã Phước Kháng là xã miền núi, thuộc xã khó khăn, Nhân dân sống chủ yếu bằng nghề sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gia súc và làm thuê; mặt bằng dân trí không đồng đều; thời tiết quanh năm nắng nóng, khô hạn, từ đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của Nhân dân. Toàn xã gồm có 05 thôn, có 621 hộ/2.580 khẩu, 99,3% đồng bào là dân tộc Raglai; xuất phát điểm về kinh tế thấp, đời sống của bà con còn nhiều khó khăn.

Trong những năm qua dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã, sự phối hợp đồng bộ giữa các ban, ngành, đoàn thể và đặc biệt là sự đồng thuận của Nhân dân trong việc hoạch định, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, xã Phước Kháng đã thực hiện thắng lợi nhiều mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội, từng bước ổn định và nâng cao đời sống cho người dân; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững, ổn định.

Nhằm mục đích thanh kiểm tra định mức, tiêu chuẩn trong việc quản lý, sử dụng các nguồn thu, chi đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành; đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tham nhũng xảy ra thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân xã đồng thời thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở.

II. KẾT QUẢ THANH TRA

1. Tình hình sử dụng biên chế:

Stt	Nội dung	Số lượng (người)	
		Năm 2018	Năm 2019
I	Số chỉ tiêu biên chế được giao Trong đó:	44	44

	+ Cán bộ, công chức	21	21
	+ Hoạt động không chuyên trách	12	12
	+ Hoạt động ở thôn, hợp đồng	11	11
II	Biên chế thực hiện	55	51
	<i>Trong đó:</i>		
	+ Cán bộ, công chức	20	19
	+ Hoạt động bán chuyên trách	14	11
	+ Hoạt động ở thôn	21	21

2. Tình hình thu, chi ngân sách:

a) Chi tiết thu, chi ngân sách năm 2018:

- Nguồn thu:

Đơn vị: đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm		(% So sánh QT/DT)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng thu ngân sách xã	7.079.394.298	7.079.394.298	7.674.707.544	7.674.707.544	109	109
I	Các khoản thu 100%	14.000.000	14.000.000	13.552.000	13.552.000	97	97
1	Phi, lệ phí	3.000.000	3.000.000	4.152.000	4.152.000	138	138
2	Thu từ quỹ đất công ích						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Đóng góp của nhân dân						
5	Đóng góp tự nguyện						
6	Thu hồi các khoản thu năm trước						
7	Thu kết dư năm trước						
8	Thu khác	11.000.000	11.000.000	9.400.000	9.400.000	86	86
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	0	0	0	0	0	0
1	Thuế giá trị gia tăng						
2	Thuế thu nhập cá nhân						
3	Thuế nhà đất						
4	Thuế môn bài						
5	Thuế sử dụng đất						
6	Lệ phí trước bạ nhà, đất						
7	Thuế tài nguyên						
8	Thuế thu nhập DN						

III	Thu chuyển nguồn			3.087.032	3.087.032		
IV	Thu kết dư NS năm trước			618.388.237	618.388.237		
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.065.394.298	7.065.394.298	7.039.680.275	7.039.680.275		
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.574.862.900	3.574.862.900	3.574.862.900	3.574.862.900		
	Thu bổ sung có mục tiêu	3.490.531.398	3.490.531.398	3.464.817.375	3.464.817.375		

- Nguồn chi:

STT	Nội dung	Dự toán năm	Quyết toán năm	(%) So sánh QT/DT
A	B	1	2	3
	Tổng chi ngân sách xã	7.692.251.932	7.350.845.920	96
I	Chi đầu tư phát triển	2.579.728.565	2.579.728.565	100
II	Chi thường xuyên	5.112.523.367	4.771.117.355	94
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	288.127.145	257.345.884	90
	Chi dân quân tự vệ	186.493.816	182.719.465	98
	Chi an ninh trật tự	101.633.329	74.626.419	73
2	Chi sự nghiệp giáo dục	183.000.000	182.971.977	100
3	Chi sự nghiệp y tế	-	-	-
4	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	17.415.353	17.355.807	100
5	Sự nghiệp thể dục thể thao	7.918.224	7.900.000	100
6	Sự nghiệp kinh tế	809.000.000	798.575.797	99
	SN giao thông			
	SN nông - lâm - thủy lợi - hải sản	509.000.000	508.500.000	100
	SN thị chính			
	Thương mại, dịch vụ			
	Các hoạt động khác	300.000.000	290.075.797	97
7	Sự nghiệp xã hội	221.981.362	220.311.267	99
	Hưu xã và trợ cấp khác	21.981.362	20.311.267	92
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa			
	Khác	200.000.000	200.000.000	100
8	Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	3.513.304.025	3.194.954.523	91
	Trong đó: Quỹ lương			
8.1	Quản lý nhà nước	2.328.683.110	2.015.574.564	87
8.2	Đảng cộng sản Việt Nam	519.788.805	516.757.115	99
8.3	Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể	589.864.110	589.857.844	100
8.4	Các hiệp hội	74.968.000	72.765.000	97
9	Chi khác	-	40.109.179	-
10	Dự phòng	71.777.258	51.592.921	72
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	21.620.985	

b) Chi tiết thu, chi ngân sách năm 2019:

- Nguồn thu:

Dvt: đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm		(% So sánh QT/DT	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng thu ngân sách xã	7.347.146.055	7.347.146.055	7.680.880.363	7.680.880.363	105	105
I	Các khoản thu 100%	10.000.000	10.000.000	15.677.240	15.677.240		
1	Phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000	12.215.448	12.215.448	245	245
2	Thu từ quỹ đất công ích						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Đóng góp của nhân dân						
5	Đóng góp tự nguyện						
6	Thu hồi các khoản thu năm trước						
7	Thu kết dư năm trước						
8	Thu khác	5.000.000	5.000.000	3.461.792	3.461.792	70	70
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %						
1	Thuế giá trị gia tăng						
2	Thuế thu nhập cá nhân						
3	Thuế nhà đất						
4	Thuế môn bài						
5	Thuế sử dụng đất						
6	Lệ phí trước bạ nhà, đất						
7	Thuế tài nguyên						
8	Thuế thu nhập DN						
III	Thu chuyển nguồn			21.620.985	21.620.985		
IV	Thu kết dư NS năm trước			323.861.624	323.861.624		
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.337.146.055	7.337.146.055	7.319.720.514	7.319.720.514	100	100
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.258.311.337	3.258.311.337	3.258.311.337	3.258.311.337	100	100
	Thu bổ sung có mục tiêu	4.078.834.718	4.078.834.718	4.061.409.177	4.061.409.177	100	100

- Nguồn chi:

STT	Nội dung	Dự toán năm	Quyết toán năm	(%) So sánh QT/DT
A	B	1	2	3
	Tổng chi ngân sách xã	7.338.677.690	7.188.216.573	98
I	Chi đầu tư phát triển	3.079.000.000	3.058.348.741	100
II	Chi thường xuyên	4.195.905.762	4.023.108.279	96
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	255.397.188	268.431.275	105
	Chi dân quân tự vệ	161.655.960	181.917.075	113
	Chi an ninh trật tự	93.741.228	86.514.200	92
2	Chi sự nghiệp giáo dục			
3	Chi sự nghiệp y tế			
4	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	24.910.568	12.989.000	52
5	Sự nghiệp thể dục thể thao	5.423.000	4.200.000	77
6	Sự nghiệp kinh tế	584.933.000	584.933.000	100
	SN giao thông			
	SN nông - lâm - thủy lợi - hải sản	531.000.000	531.000.000	100
	SN thị chính			
	Thương mại, dịch vụ			
	Các hoạt động khác	53.933.000	53.933.000	100
7	Sự nghiệp xã hội	29.835.688	27.982.396	94
	Hưu xã và trợ cấp khác	24.475.688	23.422.396	96
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa			
	Khác	5.360.000	4.560.000	85
8	Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	3.295.406.318	3.124.572.608	95
	Trong đó: Quỹ lương			
8.1	Quản lý nhà nước	1.837.335.834	1.888.418.160	103
8.2	Đảng cộng sản Việt Nam	723.123.019	505.002.580	70
8.3	Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể	668.125.865	657.916.868	98
8.4	Các hiệp hội	66.821.600	73.235.000	110
9	Chi khác			
II	Dự phòng	63.771.928	48.424.600	76
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		58.334.953	

III. KẾT LUẬN, CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Kết luận:

a) Ưu điểm:

- Về nguồn thu:

Trong 02 năm 2018, 2019, UBND xã Phước Kháng thực hiện tốt công tác quản lý thu ngân sách, có khai thác các nguồn thu, thu ngân sách xã, đối với khoản thu phí, lệ phí đạt, vượt so kế hoạch (năm 2018: 138%; năm 2019: 245%).

- Về nguồn chi:

Chi ngân sách xã chủ yếu là bổ sung từ ngân sách cấp trên. Qua kiểm tra thực tế các chứng từ chi, kết quả chi các khoản thanh toán lương, phụ cấp kịp thời và theo quy định của Nhà nước. UBND xã cũng đã quan tâm đến việc thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, kịp thời chủ động trong các khoản thanh toán đảm bảo theo quy định. Thực hiện tốt các nhiệm vụ chi theo kế hoạch phê duyệt, ngân sách chi đảm bảo trên cơ sở dự toán được giao, có ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; các chế độ, định mức, tiêu chuẩn hiện hành trong chi tiêu được áp dụng theo các quy định hiện hành.

Nhìn chung, việc quản lý, sử dụng tài chính ngân sách tại đơn vị được thực hiện cơ bản đảm bảo đúng quy định của pháp luật; thực hiện tốt công khai, minh bạch; niềm yết công khai, thảo luận cho ý kiến dân chủ các khoản thu, chi thuộc thẩm quyền; xây dựng được Quy chế chi tiêu nội bộ; thanh quyết toán, báo cáo tài chính hàng năm theo quy định; sổ sách, hồ sơ, chứng từ thu chi được lưu trữ chặt chẽ.

b) Hạn chế, thiếu sót:

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quản lý thu, chi còn mắc phải một số thiếu sót, cụ thể sau:

- Về nguồn thu: khoản thu khác ngân sách năm 2018, năm 2019 đối chiếu tổng thể chưa đạt theo kế hoạch do UBND huyện giao. Quyết toán thu ngân sách chưa phù hợp theo đúng Mục lục, Bảng biểu tổng hợp. Cụ thể ở Mục II- Bảng Tổng hợp quyết toán thu ngân sách xã, UBND xã không có các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %, thay vào đó là các khoản thu dự toán, quyết toán đều là khoản thuộc ngân sách xã hưởng (100%).

- Về nguồn chi:

+ Trong năm 2018, chi thanh toán khoản công tác phí hàng tháng đối với đối tượng là người hoạt động không chuyên trách (gồm 04 người) với số tiền 19.200.000đ (12 tháng x 400.000đ/người x 4) là chưa đúng theo quy định tại Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Tuy nhiên, về nội dung này trên cơ sở kết quả làm việc, kết quả thẩm tra quyết toán năm 2019 của UBND xã Phước Kháng, Phòng Tài chính - Kế hoạch đã xuất toán nộp ngân sách và UBND xã đã thực hiện nộp ngân sách đủ số tiền 19.200.000đ đến thời điểm thanh tra.

+ Các khoản chi khoán công tác phí năm 2018 còn thiếu sót: Kế hoạch công tác, giấy đi đường... (theo điều kiện tiêu chuẩn được hưởng). Cụ thể chi khoán công tác phí hàng tháng cho 17 cán bộ, công chức xã với số tiền 81.600.000đ (17 x 400.000đ/người x 12 tháng) nhưng không có chứng từ kèm theo chứng minh đi công tác lưu động 10 ngày/tháng (theo Điều 6. Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị). Mặc dù được khắc phục trước thời điểm thanh tra nhưng thuộc nội dung đã quyết toán, xét kết quả giải trình của đơn vị và trên cơ sở tình hình khó khăn chung, đặc thù xã miền núi, cán bộ công chức cấp xã đi lại xa xôi, khó khăn về phương tiện và các mặt khác, UBND xã đã thấy được sai sót và đã khắc phục bổ sung. Tuy nhiên trong thời gian đến phải đảm bảo thanh toán theo đúng thủ tục quy định hiện hành, tránh tình trạng đã chấn chỉnh nhưng thiếu sót còn lặp lại.

+ Chi thanh toán tạm ứng cho các công trình thi công do UBND xã làm chủ đầu tư không có Bảng nghiệm thu khối lượng kèm theo: công trình nâng cấp kéo dài kênh mương thuộc khu khai hoang theo Quyết định 755; công trình hoàn thiện hệ thống thủy lợi thôn Đá Mài Dưới, xã Phước Kháng. Qua làm việc, xem xét yếu tố khách quan, UBND xã trong công tác lưu trữ hồ sơ còn thiếu sót, đã có giải trình và khắc phục hoàn thiện.

+ UBND xã dễ xảy ra nợ đọng bảo hiểm xã hội tồn tại nhiều năm, qua ghi nhận tại thời kỳ thanh tra với số tiền nộp thiếu BHXH của cán bộ công chức xã: 6.859.661 đồng (cụ thể: cuối năm 2017 chuyển sang đầu năm 2018 thiếu: 3.091.494 đồng; Năm 2019: 3.768.167 đồng).

- Nguyên nhân hạn chế:

* Về khách quan:

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về chính sách, định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong một số lĩnh vực do cơ quan có thẩm quyền ban hành có nội dung quy định chưa cụ thể, rõ ràng nên việc áp dụng còn lúng túng.

Công tác kiểm tra, thẩm tra quyết toán hàng năm của cơ quan chuyên môn thuộc huyện chưa chặt chẽ, thường xuyên, nhằm kịp thời chấn chỉnh; công tác hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ chưa được quan tâm kịp thời.

* Về chủ quan:

Việc chấp hành chế độ chính sách về quản lý tài chính của UBND xã chưa nghiêm túc, công tác tự kiểm tra, tự kiểm soát chưa thực hiện thường xuyên, kịp thời.

Công chức phụ trách Kế toán xã có thay đổi trong niên độ kế toán nhưng khi tiếp nhận và bàn giao chưa đảm bảo theo quy định, việc xác định trách nhiệm giữa kế toán cũ, mới chưa rõ ràng, còn để xảy ra nợ bảo hiểm kéo dài qua các năm nhưng chưa có biện pháp khắc phục, nộp đủ; kế toán xã chưa làm tốt vai trò trách nhiệm tham mưu của mình trong việc nghiên cứu, áp dụng các chế độ, định mức dẫn đến thực hiện chưa đảm bảo thủ tục theo quy định.

- Trách nhiệm:

Trách nhiệm thuộc về Chủ tịch UBND xã trong việc chỉ đạo, điều hành thực hiện các quy định trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

Trách nhiệm thuộc về Công chức Kế toán - Tài chính xã (kế toán cũ giai đoạn năm 2018 và kế toán mới từ năm 2019 trở đi) chưa tham mưu thực hiện chặt chẽ thủ tục thanh toán theo quy định hiện hành.

2. Các biện pháp xử lý:

Từ kết luận trên, Chủ tịch UBND huyện có biện pháp xử lý như sau:

a) Đối với Ủy ban nhân dân xã Phước Khánh:

- Tổ chức họp UBND xã giới thiệu các nội dung thiếu sót và có kế hoạch khắc phục, sửa chữa. Qua đó, Chủ tịch UBND và kế toán xã rút kinh nghiệm trong quản lý thu, chi ngân sách xã.

- Đối với số tiền còn nợ đọng Bảo hiểm xã hội, giao Chủ tịch UBND xã trực tiếp chỉ đạo kế toán (phối hợp với kế toán cũ) nhanh chóng rà soát chi tiết, có hướng nộp bổ sung khắc phục, không để xảy ra tình trạng nộp thiếu tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động (hoàn thành đến 31/12/2020).

- Xây dựng kế hoạch khắc phục những hạn chế tồn tại và có báo cáo kết quả về UBND huyện (qua Thanh tra huyện *trước ngày 05/01/2021*).

- Có nhiệm vụ niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại nơi làm việc của đơn vị ít nhất là 15 ngày liên tục, kể từ ngày công bố Kết luận thanh tra.

b) Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện trong thời gian đến rà soát lại các chỉ tiêu thu ngân sách đối với các xã đặc biệt khó khăn, xã miền núi để chủ động điều chỉnh giao dự toán thu đảm bảo hiệu quả. Đồng thời có hướng dẫn thường xuyên việc hạch toán các nội dung thu ngân sách xã theo quy định.

c) Trưởng Đoàn thanh tra được Chủ tịch UBND huyện ủy quyền công bố Kết luận thanh tra trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày ký Kết luận thanh tra.

Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Phước Khánh và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chấp hành nghiêm túc nội dung Kết luận này./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Thanh tra huyện, TC-KH;
- UBND xã Phước Khánh;
- Lưu: VT, HSTTra.

CHỦ TỊCH



Phạm Trọng Hùng